

Bản án số: 09/2022/DS-PT

Ngày: 12/01/2022

V/v: *Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Thị Ánh Bình

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2021/TLPT-DS, ngày 11 tháng 06 năm 2021 về “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 210/2021/QĐPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị H, sinh năm 1942; Địa chỉ: ấp Kiến Hưng 1, xã Kiến Th, huyện Chợ M, tỉnh An G (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là bà Nguyễn Thị Hồng Th - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Thái Văn M, sinh năm 1970 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thái Thanh H, sinh năm 1942 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H là anh Thái Hà Tiên, sinh năm 1988 (ủy quyền ngày 27 tháng 8 năm 2018, có mặt).

2. Bà Thái Thị Ph, sinh năm 1965 (có mặt).

3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1964 (vắng mặt).

4. Chị Thái Thị D, sinh năm 1994 (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964 (có mặt).

6. Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964 (ủy quyền ngày 16 tháng 12 năm 2019, có mặt).

Tất cả cùng địa chỉ: Ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.
Ông Thái Văn Nh, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp Mỹ Ph, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L (vắng mặt).

8. Bà Thái Ngọc T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 05, ấp Thuận Phú B, xã Thuận A, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L (vắng mặt).

4. Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L (vắng mặt).

2. Cụ Nguyễn Thị C, sinh năm 1938; Địa chỉ: Tổ 28, khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi S, thành phố Châu Đ, tỉnh An G (vắng mặt).

3. Bà Thái Thị Nh, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 10, khóm Vĩnh Tây 2, phường Núi S, thành phố Châu Đ, tỉnh An G (vắng mặt).

- Người kháng cáo:

1. Bà Thái Thị H là nguyên đơn.

2. Ông Thái Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3. Bà Thái Thị Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thái Thị H trình bày: Cha mẹ bà là cụ Thái Văn H (chết ngày 06/9/1996) và cụ Trần Thị L (tên gọi khác Trần Thị L, chết ngày 29/3/2011), cụ H và cụ L chết không để lại di chúc, hai cụ có tất cả 06 người con gồm: Bà Thái Thị H, ông Thái Thanh H, ông Thái Văn Nh, bà Thái Thị Ph, ông Thái Văn M và bà Thái Ngọc T.

Khi còn sống, cụ H và cụ L cùng tạo lập được 10.360 m² đất tại ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L gồm: Thửa số 403 diện tích 4.250 m² đất lúa, thửa số 406 diện tích 1.930 m² đất lúa, thửa số 407 diện tích 1.900 m² đất thổ vườn, thửa số 408 diện tích 1.750 m² đất lúa, thửa số 1103 diện tích 530 m² đất vườn.

Sau khi cụ H chết, các anh chị em thống nhất để toàn bộ số đất cho cụ L được quyền quản lý sử dụng. Đến năm 2002, cụ L kê khai đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện Tam B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/2002. Hai ngày sau khi cụ L chết là ngày 27/02/2011 âm lịch (ngày 31/3/2011 dương lịch) ông M có làm giấy chuyển nhượng đất cho bà H 1,5 công đất tầm 2,8 mét (tương đương 2.000 m²) do ông Lê Văn H (hàng xóm ông M)

viết dùm giấy chuyển nhượng đất có sự chứng kiến của ông H, bà T, cụ Nguyễn Thị C, bà Thái Thị Nh. Do ông M không giao đất, đến năm 2017 bà H đòi đất ông M nói đất đang cầm cố khi nào có vàng chuộc lại mới giao. Bà H biết được cụ L đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông M đứng tên các thửa số 403, 406, 407, 408 vào năm 2003 nên bà khởi kiện yêu cầu buộc ông M giao cho bà phần đất 2.000 m² tại thửa đất số 403 theo giấy chuyển nhượng đất lập ngày 27/02/2011 âm lịch.

Ngày 05/6/2019, bà H khởi kiện bổ sung yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất số 403, 406, 407, 408 thành 06 phần bằng nhau và buộc ông M có trách nhiệm chia cho bà được nhận hưởng 01 kỷ phần là 1.676,78 m², cụ thể: thửa số 403 diện tích 719,76 m² đất lúa, thửa số 406 diện tích 326,31 m² đất lúa, thửa số 408 diện tích 307,81 m² đất lúa, thửa số 407 diện tích 50 m² đất thổ và 272,9 m² đất vườn. Riêng diện tích 85,7 m² đất vườn còn lại tại thửa số 1103 bà không yêu cầu chia, đồng ý để cho ông M được nhận hưởng thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H rút yêu cầu chia thừa kế các thửa số 403, 406, 407, 408 đồng ý cho ông M được nhận hưởng thừa kế diện tích 85,7 m² của thửa 1103 còn lại. Bà H giữ yêu cầu buộc ông M phải giao cho bà phần đất diện tích 2.000 m² tại thửa số 403.

Tại bản tường trình ngày 27 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Thái Văn M trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà H, ông H, ông Nh, bà Ph, bà T về quan hệ gia đình, cụ H và cụ L chết không để lại di chúc. Ngoài phần đất tạo lập tại các thửa đất nêu trên thì cụ H và cụ L còn nhận hưởng đất của ông bà ở nơi khác. Khi ông H, ông Nh lập gia đình ra riêng được hai cụ chia cho đất nhận hưởng của ông bà, riêng các chị em gái có chồng ở xa nên không được chia đất. Hai cụ quản lý số đất tạo lập nhưng không kê khai đăng ký và giao cho ông trực tiếp canh tác để nuôi hai cụ. Sau khi cụ H chết, các anh chị em đồng ý để cụ L được quyền quản lý sử dụng đất. Năm 2002, cụ L kê khai đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện Tam B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, cụ L chuyển nhượng các thửa số 403, 406, 407, 408 cho ông đứng tên tại mặt bốn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1103 bị mối ăn nên không chuyển quyền sử dụng đất được. Thủ tục chuyển quyền sử dụng đất do cụ L, ông Nh và ông cùng thực hiện. Để có tiền chữa trị bệnh và lo chôn cất cụ L, ông phải cầm cố đất thửa số 403 cho ông Thái Văn A, vay mượn ông Trần Văn L số tiền 70.000.000 đồng. Hai ngày sau khi cụ L mất, ông có lập giấy chuyển nhượng đất ngày 27/02/2011 âm lịch cho bà H đất ruộng phía trong giáp đất ông H nhưng chỉ cho sau khi ông trả xong nợ, chuộc lại đất. Sau đó, Nhà nước thu hồi diện tích 444,3 m² thuộc thửa đất số 1103.

Năm 2017, bà H yêu cầu ông giao đất, ông hứa khi bán được đất sẽ đưa tiền cho bà H, các khoản nợ cổ đất, vay mượn đến hạn nên ông và vợ là bà Lê Thị T cố lại thửa đất 403 và cố thêm một phần thửa đất 406 cho vợ chồng Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị Th lấy 40 chỉ vàng 24K để trả nợ cho ông A, ông L. Đến năm 2018, bà H tiếp tục yêu cầu giao đất, ông trình bày hoàn cảnh cho bà H biết nhưng bà không đồng ý dẫn đến tranh chấp. Ông không đồng ý các thửa số 403, 406, 407, 408, 1103 có một phần hai là di sản của cụ H. Vì lúc cụ H còn sống không kê khai đất đai. Năm 2002, cụ L mới kê khai đăng ký nên các thửa đất này là tài sản hợp pháp của cụ L. Năm 2003, cụ L chuyển nhượng các thửa số 403, 406, 407, 408 cho ông nên không còn là di sản của cụ L. Ông M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông H và bà Ph; đề nghị công nhận các thửa đất số 403, 406, 407, 408 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông. Thống nhất diện tích 85,7 m² tại thửa số 1103 là di sản của cụ L để lại không có di chúc, bà H, ông H, bà Ph, bà T, ông Nh không yêu cầu chia thừa kế, đồng ý cho ông nhận hưởng, đề nghị ghi nhận ý kiến của các đồng thừa kế cho ông được đăng ký nhận hưởng thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật. Do bà Ph không có chỗ ở nên ông M cho bà Ph cất căn nhà ngang 09 mét, dài 30 mét ở nhờ trên thửa đất số 406, không tranh chấp. Đối với ý kiến của ông Đ, bà Th: Do vợ chồng ông chưa có khả năng trả vàng chuộc lại đất nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Tại đơn yêu cầu ngày 10 tháng 4 năm 2018, bổ sung ngày 05 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình xét xử bà Thái Thị Ph trình bày: Năm 1995, cụ H và cụ L hứa chia cho bà 2.000 m² đất ruộng với điều kiện bà không được có chồng, khi hứa cho đất chỉ nói miệng. Sau khi hai cụ chết không để lại di chúc toàn bộ số đất ông M quản lý. Hiện bà không chồng con nên nhiều lần yêu cầu chia đất nhưng ông M không đồng ý. Bà Ph yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tại các thửa số 403, 406, 407, 408 thành 06 phần bằng nhau và buộc ông M chia cho bà được nhận hưởng 01 kỷ phần đúng như diện tích, loại đất bà H đã yêu cầu. Bà đồng ý để cho ông M được nhận hưởng thừa kế diện tích 85,7 m² còn lại tại thửa đất số 1103. Hiện tại bà Ph có cất căn nhà ngang 09 mét, dài 30 mét sinh sống trên đất do ông M đang quản lý, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất gắn liền căn nhà này.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 07 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử ông Thái Thanh H trình bày: Phần đất tại các thửa đất nêu trên do cụ H, cụ L tạo lập trước giải phóng. Sau giải phóng, cụ H và người chủ thứ bảy được ông bà nội chia cho đất. Cụ H và cụ L có thỏa thuận, cụ L canh tác số đất tạo lập, còn cụ H canh tác phần đất ông bà nội cho được một thời gian thì cho lại ông Nh. Do đất của người chủ bị đưa vào tập đoàn, sợ mất đất nên kêu gia đình ông tách khẩu nhận định suất đất dư. Sau đó, cả tập đoàn ông tiếp tục sử dụng và

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không được cụ H, cụ L chia đất nhận hưởng từ ông bà như lời trình bày của ông M.

Sau khi cụ H chết, các anh chị em đồng ý để cho cụ L trọn quyền quản lý sử dụng đất, không ai tranh chấp. Sau khi cụ L chết, ông M lập văn bản viết tay đề ngày 27/11/2011 âm lịch cho đất bà H; do ông Mười không thực hiện việc cho đất nên bà Hai phát sinh tranh chấp, lúc này các chị em trong gia đình mới biết cụ L đã chuyển quyền sử dụng đất các thửa đất số 403, 406, 407, 408 cho ông M mà chưa được sự đồng ý của anh chị em trong gia đình. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất số 403, 406, 407, 408 thành 06 phần bằng nhau và buộc ông M chia cho ông được nhận hưởng 01 kỷ phần đúng như diện tích, loại đất bà H, bà Ph đã yêu cầu. Ông không yêu cầu chia thừa kế di sản phần đất vườn diện tích còn lại 85,7 m² tại thửa số 1103, đồng ý để cho ông M được nhận hưởng.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình xét xử bà Thái Ngọc T trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà Hai, ông Hôn, bà Phụng về nguồn gốc đất tranh chấp. Bà Tiên không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, nếu yêu cầu chia thừa kế các thửa đất số 403, 406, 407, 408 được chấp nhận thì đề nghị Tòa án giải quyết chia cho bà nhận hưởng 01 kỷ phần đúng như diện tích, loại đất bà H, ông H, bà Ph đã yêu cầu. Đồng ý để cho ông M được nhận hưởng thừa kế diện tích 85,7 m² tại thửa đất số 1103. Ngoài ra, bà không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 5 năm 2018, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 30 tháng 5 năm 2018, biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 12 năm 2019 ông Thái Văn Nh trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà H về nguồn gốc đất tranh chấp. Lúc cụ H và cụ L còn sống, ông có nghe hai cụ nói sẽ cho bà H, bà Ph mỗi người 02 công đất ruộng. Đề nghị Tòa án giải quyết chia đất cho bà H, bà Ph mỗi người nhận 02 công đất đúng theo nguyện vọng của cụ H, cụ L. Ông không tranh chấp yêu cầu chia thừa kế, vì khi cụ L còn sống đã tặng cho đất ông M. Đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tại các bản tự khai ngày 18 tháng 9 năm 2020 bà Lê Thị Tư là vợ ông M, chị Thái Thị D là con gái ông M trình bày: Năm 1993, vợ chồng ông M sống chung với cụ H, cụ L nên trực tiếp canh tác các thửa đất số 403, 406, 407, 408 và 1103. Năm 1996, cụ H chết thì cụ L tiếp tục giao đất cho vợ chồng bà canh tác. Năm 2002, cụ L kê khai đất đai được Ủy ban nhân dân huyện Tam B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, cụ L chuyển quyền sử dụng đất cho ông M tại các thửa đất số 403, 406, 407, 408 thửa đất số 1103 cụ L còn đứng tên quyền sử dụng đất. Bà T, chị D cùng thống nhất ý kiến của ông M, không yêu cầu trong vụ án này, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 10 năm 2019 ông Nguyễn Văn Đ,

bà Huỳnh Thị Th và trong quá trình xét xử, ông Đ đồng thời là người đại diện cho bà Th trình bày: Vợ chồng ông bà có nhận cổ đất ruộng bằng giấy viết tay của vợ chồng ông M, bà T vào các ngày như sau:

- Ngày 06/11/2017 nhận cổ 04 công đất tầm 2,8 mét (tròn diện tích) thuộc thửa số 403 (trước đó cổ cho ông A) thời hạn cổ là 03 năm đến vụ lúa Đông Xuân năm 2020 - 2021, giá cổ đất là 30 chỉ vàng 24K.

- Ngày 23/10/2018 cổ thêm 01 công đất tầm 2,8 mét (trừ con mương và phần đất ông M chưa lại) thuộc thửa số 406, thời hạn cổ là 03 năm từ vụ lúa Đông Xuân năm 2019 đến hết năm 2021, giá cổ đất là 10 chỉ vàng 24K.

Nay ông bà có ý kiến trong trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế tại các thửa số 403, 406 thì ông bà đồng ý giao đất cho người được nhận hưởng theo phán quyết của Tòa án, ông bà đồng ý tiếp tục nhận cổ đất phần diện tích còn lại và tự thỏa thuận với ông M, bà T về số vàng cổ đất. Ông bà không tranh chấp về hợp đồng cổ đất trong vụ án này, nếu các bên không thỏa thuận được sẽ yêu cầu bằng vụ kiện dân sự khác.

Tại bản khai ý kiến ngày 24 tháng 5 năm 2018, người làm chứng bà Thái Thị Nh trình bày: Bà có chứng kiến và ký tên vào giấy chuyển nhượng đất lập ngày 27/02/2011 âm lịch về việc ông M cho đất bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông Lê Văn H trình bày: Ngày 27/02/2011 âm lịch, ngay khi chôn cất cụ L xong, ông M và anh chị em nhờ ông viết hộ giấy tay cho đất bà H. Ông không nghe ông M hay ai khác nói về việc cụ L đã cho đất ông M. Đến năm 2017, bà H trở về yêu cầu ông M giao đất dẫn đến tranh chấp. Ngoài ra, ông không biết vấn đề gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:12/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 166, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 95, các khoản 5, 6 và 7 Điều 166, khoản 1 và khoản 3 Điều 167, khoản 2 và khoản 3 Điều 188, khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013; Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 123, khoản 2 Điều 129, các khoản 1, 2 và 4 Điều 131, khoản 3 Điều 133, các điều 501, 502, 503, 609, 611, 612, 614, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 và khoản 5 Điều 15, các khoản 1, 3 và 6 Điều 26, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng khoản 5 và khoản 6 Điều 105, khoản 1 Điều 106, khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003; Điều 122, khoản 2 Điều 124, các điều 128, 137, 631, 633, 634, 636, 645, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676, khoản 2 Điều 685, các điều 689, 692, 722, 723, 733, 734 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Áp dụng khoản 2 Điều 31, các điều 33, 34, 36, khoản 3 Điều 73, Điều 75 Luật Đất đai năm 1993; Điều 637, khoản 2 và khoản 3 Điều 690, các điều 691, 692, 693, 695, 696 Bộ luật Dân sự năm 1995.

- Áp dụng mục 1 và mục 2 Phần VI Quyết định số 201/CP ngày 01 tháng 7 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 30/HĐBT ngày 23 tháng 3 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật Đất đai năm 1987; mục I Phần 2, mục I Phần 3 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mục I và mục II chương 3 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khoản 3 Điều 103 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị H:

1.1. Tuyên bố vô hiệu giao dịch dân sự tặng cho quyền sử dụng đất xác lập giữa bà Thái Thị H và ông Thái Văn M theo Giấy chuyển nhượng đất viết tay vào ngày 27 tháng 02 năm 2011 âm lịch (ngày 31 tháng 3 năm 2011 dương lịch).

1.2. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

1.2.1. Bà Thái Thị H không phải giao trả lại cho ông Thái Văn M phần đất diện tích 2.000 m² thuộc thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) - diện tích thực đo 4.318,6 m² đất lúa.

1.2.2. Bà Thái Thị H, ông Thái Văn M không bị thiệt hại nên không phải bồi thường.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Thái Thanh H, bà Thái Thị Ph và đề nghị của bà Thái Thị T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất cho mỗi người nhận hưởng phần đất diện tích 1.676,78 m², gồm có: Diện tích 719,76 m² tại thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) - diện tích

thực đo 4.318,6 m² đất lúa; diện tích 326,31 m² tại thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa; diện tích 307,81 m² tại thửa đất số 408 (thửa mới số 19 - 1 + 24 - 1) diện tích thực đo 1.846,9 m² đất lúa; diện tích 50 đất thổ và 272,9 m² đất vườn tại thửa đất số 407 (thửa mới số 24 - 2 + 19 - 2 + 24 - 4) diện tích thực đo 1.937,4 m² đất thổ vườn (300 m² đất thổ, 1.637,4 m² đất vườn).

3. Công nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) diện tích thực đo 4.318,6 m² đất lúa; thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) - diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa; thửa đất số 407 (thửa mới số 24 - 2 + 19 - 2 + 24 - 4) diện tích thực đo 1.937,4 m² đất thổ vườn (300 m² đất thổ, 1.637,4 m² đất vườn); thửa đất số 408 (thửa mới số 19 - 1 + 24 - 1) diện tích thực đo 1.846,9 m² đất lúa, cùng tờ bản đồ số 05 (tờ bản đồ mới số 16), địa chỉ ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Thái Văn M.

Ông Thái Văn M có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai đối với các thửa đất được công nhận kèm theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) - diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa; thửa đất số 407 (thửa mới số 24 - 2 + 19 - 2 + 24 - 4) diện tích thực đo 1.937,4 m² đất thổ vườn (300 m² đất thổ, 1.637,4 m² đất vườn); thửa đất số 408 (thửa mới số 19 - 1 + 24 - 1) diện tích thực đo 1.846,9 m² đất lúa bà Thái Thị H đã rút; Ghi nhận ý kiến của bà Thái Thị H, ông Thái Thanh H, ông Thái Văn Nh, bà Thái Thị Ph, ông Thái Văn M, bà Thái Thị T không yêu cầu giải quyết phần đất vườn diện tích 444,3 m² bị Nhà nước thu hồi tại thửa đất số 1103 nên không xem xét; Ghi nhận ý kiến của bà Thái Thị H, ông Thái Thanh H, ông Thái Văn Nh, bà Thái Thị Ph, bà Thái Thị T đồng ý để lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của mình tại chiết thửa đất số 1103 (thửa mới số 24 - 6) tờ bản đồ số 05 (tờ bản đồ mới số 16) diện tích thực đo còn lại 85,7 m², địa chỉ ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L cho ông Thái Văn M nhận hưởng; Ông Thái Văn M có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động đất đai nhận kê khai thừa kế, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai đối với thửa đất số 1103 (thửa mới số 24 - 6) kèm theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam B; Dành cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị Th với ông Thái Văn M, bà Lê Thị T vụ kiện dân sự khác. Nếu các đương sự có tranh chấp với nhau về

hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất: Phần đất tại thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) diện tích thực đo 4.318,6 m² đất lúa, giá nhận cố 30 (ba mươi) chỉ vàng 24K theo Tờ cổ đất ngày viết tay ngày 06 tháng 11 năm 2017; phần đất thuộc thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa, giá nhận cố 10 (mười) chỉ vàng 24K theo Tờ cổ đất ngày viết tay ngày 23 tháng 10 năm 2018. Dành cho ông Thái Văn M và bà Thái Thị Ph vụ kiện dân sự khác. Nếu các đương sự có tranh chấp với nhau về phần đất cho cất nhà ở nhờ thuộc thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa, về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 nguyên đơn bà H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông M phải giao lại cho bà Hai phần đất có diện tích 2.000 m² thuộc thửa 403, loại đất lúa tại ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ph và ông H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông M chia cho bà Ph và ông H mỗi người được hưởng một phần thừa kế diện tích 719,76 m² tại thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) nằm trong tổng diện tích 4.318,6 m² đất lúa; diện tích 326,31 m² tại thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) nằm trong tổng diện tích 1.957,9 m² đất lúa; diện tích 307,81 m² tại thửa đất số 408 (thửa mới số 19 - 1 + 24 - 1) nằm trong tổng diện tích 1.846,9 m² đất lúa; diện tích 50 đất thổ và 272,9 m² đất vườn tại thửa đất số 407 (thửa mới số 24 - 2 + 19 - 2 + 24 - 4) nằm trong tổng diện tích 1.937,4 m² đất thổ vườn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thay đổi kháng cáo trong trường hợp ông M không giao cho bà H phần đất có diện tích 2.000 m² thì trả giá trị đất cho bà H 1,5 công đất ruộng tầm 2,8m là 1.500 m² theo giá đất của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm. Bà Ph và ông H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu ông M chia cho ông H, bà Ph mỗi người được hưởng một phần thừa kế phần đất diện tích 719,76 m² tại thửa 403; diện tích 326,31 m² tại thửa 406; diện tích 307,81 m² tại thửa 408; diện tích 50 đất thổ và 272,9 m² đất vườn tại thửa đất số 407. Ông M không đồng ý kháng cáo của bà H, ông H và bà Ph, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H như sau: Căn cứ Điều 92, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 500 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, buộc ông M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 403 diện tích 2000 m² đất hoặc trả giá trị bằng tiền tương đương 2000 m² đất lúa.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bác đơn kháng cáo của bà H về việc yêu cầu ông Thái Văn M giao lại phần đất thửa 403 diện tích 2000 m² theo hợp đồng tặng cho ngày 27/02/2011. Bác đơn kháng cáo của bà Ph và ông H buộc ông Thái Văn M chia cho ông bà mỗi người một kỷ phần thừa kế thửa 403, 406, 407, 408. Sửa án sơ thẩm theo hướng ông M không đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các thửa 403, 406, 407, 408, 1103. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bà H, bà Ph và ông H còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cụ Thái Văn H (chết ngày 06/9/1996) và cụ Trần Thị L (tên gọi khác Trần Thị L, chết ngày 29/3/2011) là vợ chồng, khi hai cụ chết không để lại di chúc, hai cụ có tất cả 06 người con gồm: Bà Thái Thị H, ông Thái Thanh H, ông Thái Văn Nh, bà Thái Thị Ph, ông Thái Văn M và bà Thái Ngọc T. Khi còn sống, cụ H và cụ L tạo lập được 10.360 m² đất tại ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L gồm: Thửa số 403 diện tích 4.250 m² đất lúa, thửa số 406 diện tích 1.930 m² đất lúa, thửa số 407 diện tích 1.900 m² đất thổ vườn, thửa số 408 diện tích 1.750 m² đất lúa, thửa số 1103 diện tích 530 m² đất vườn. Sau khi cụ H chết, cụ L tiếp tục quản lý sử dụng đất đến năm 2002 cụ L kê khai đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/2002.

[3] Bà Ph, ông H kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế diện tích 719,76 m² tại tách thửa đất số 403 đất lúa; diện tích 326,31 m² tại tách thửa đất 406 đất lúa; diện tích 307,81 m² tại tách thửa đất số 408 đất lúa; diện tích 50 đất thổ và 272,9 m² đất vườn tại tách thửa đất số 407. Các thửa đất có nguồn gốc đất do cụ H và cụ L tạo lập trong thời gian chung sống. Tuy nhiên, khi cụ H còn sống thì cụ Hoài không kê khai và đăng ký ruộng đất vào sổ địa chính để được xác nhận là người quản lý sử dụng

đất hợp pháp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4] Sau khi cụ H chết, cụ L tiếp tục quản lý và sử dụng đất đến ngày 12/11/2002 và ngày 13/11/2002 cụ L có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa 403, 406, 407, 408 diện tích chung 9.830 m² (bút lục 56, 59). Cụ L khai nguồn gốc đất là do khai hoang và không ai tranh chấp, cụ L xin xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng lẻ, đến ngày 06/12/2002, cụ L được Ủy ban nhân dân huyện Tam B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân cụ L. Năm 2003, cụ L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M các thửa số 403, 406, 407, 408 được Ủy ban nhân dân huyện Tam B chấp thuận tại Quyết định số 162/CT.UBND ngày 26/02/2003, ông M đứng tên tại mặt bốn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/02/2003. Bà H, bà Ph và ông H cho rằng trình tự thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông M các thửa số 403, 406, 407, 408 là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất từ cụ L cho ông M các thửa số 403, 406, 407, 408 như sau:

[5] Tại công văn số 1221/TNMT ngày 18/9/2020 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Tam B trả lời Quyết định số 162/CT.UBND ngày 26/02/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Tam B về việc chấp thuận cho cụ L chuyển quyền sử dụng đất từ cụ L cho ông M các thửa số 403, 406, 407, 408 Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Tam B không tìm thấy trong hồ sơ lưu trữ. Tại công văn số 334/CN.VPĐKĐĐ ngày 27/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam B trả lời hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất từ cụ L cho ông M các thửa số 403, 406, 407, 408 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam B không còn lưu trữ. Đề nghị Tòa án đến Chi cục thuế khu vực III yêu cầu cung cấp. Tại công văn số 773/CCTKV-NV ngày 19/11/2020 của Chi cục thuế khu vực III trả lời hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất từ cụ L cho ông M các thửa số 403, 406, 407, 408, do hồ sơ trên phát sinh tại thời điểm năm 2003, Chi cục thuế khu vực III đã nộp lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ tỉnh Vĩnh Long. Tại công văn số 122/TTLTLS ngày 30/11/2020 của Trung tâm lưu trữ tỉnh Vĩnh Long trả lời hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất từ cụ L cho ông M các thửa số 403, 406, 407, 408, qua rà soát tra tìm Phòng Lưu trữ đang bảo quản tại kho lưu trữ lịch sử tỉnh không tìm thấy. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ khác có trong hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H, ông H và Ph thống nhất xác định phần đất 10.360 m² tại ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L là di sản thừa kế của cụ L vì khi cụ H còn sống đã chia tài sản với cụ L, phần cụ H quản lý sử dụng 4 công đất có nguồn gốc của ông bà để lại nay chia cho ông Nh sử dụng, phần cụ L quản lý sử dụng 10.360 m² đất do khai hoang mà có là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cụ H khi còn sống đã không đăng ký kê

khai đất đai theo qui định của pháp luật, các thửa đất thửa 403, 406, 407, 408 diện tích chung 9.830 m² (bút lục 56, 59) do cụ L kê khai là tài sản riêng của cá nhân cụ L không liên quan đến tài sản chung của cụ L và cụ H như án sơ thẩm nhận định là phù hợp .

[7] Bà Ph trình bày khi cụ L chuyển nhượng đất cho ông M thì bà Phụng có biết và nghe nói để ông M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền. Ông H trình bày ông không biết cụ L chuyển quyền sử dụng đất cho ông M đứng tên là mâu thuẫn với việc chính ông H đề nghị ông M tách quyền sử dụng 1,5 công đất cho bà H theo giấy chuyển nhượng đất ngày 27/02/2011âl. Bà H cũng thừa nhận phần đất tranh chấp tại các thửa 403, 406, 407, 408 không phải là di sản thừa kế của cụ L nên rút lại yêu cầu chia di sản thừa kế. Xét cụ L là chủ sử dụng hợp pháp các thửa đất 403, 406, 407, 408 nên cụ L có quyền chuyển nhượng các thửa đất này cho ông M được Ủy ban nhân dân huyện Tam B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp pháp luật. Do vậy bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông M và bà Ph yêu cầu chia di sản thừa kế các thửa đất 403, 406, 407, 408 là phù hợp pháp luật.

[8] Xét kháng cáo của bà H, tại giấy chuyển nhượng đất ngày 27/02/2011âl có nội dung: “ Gia đình ông M có tổ chức cuộc họp trong gia đình có gợi ý là khi cha mẹ qua đời còn lại phần đất ruộng, vườn 9.500 m², chuyển nhượng lại cho chị Thái Thị H diện tích một công rười tầm 2m 8, cuộc họp gia đình có mặt người lớn là thiếu N, anh Hai Hg, anh Ba H, chú G, cô 6 Nh và cô Út T ”. Như vậy các thửa đất do bà L chết để lại đã được những người trong gia đình và ông M nhất trí giao cho bà H được quyền sử dụng 1,5 công tầm 2,8m. Sau khi lập xong giấy chuyển nhượng đất này thì ông M không thực hiện, bà H có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, tại biên bản hòa giải thành của Ủy Ban nhân dân xã Tân Ph ngày 02/4/2015 có nội dung: “ ông M đồng ý với phương án bán đất ruộng 4 công tầm 2,8m, khi bán xong ông M giao tiền cho bà H trước Đông Xuân 2015, số tiền bằng tương đương 1,5 công tầm 2,8m tính theo giá hiện tại”. Xét thấy ông M được mẹ là cụ L cho đất, chuyển quyền sử dụng các thửa đất 403, 406, 407, 408 là hợp pháp. Tuy nhiên, tại cuộc họp gia đình ông M đã tự nguyện chuyển nhượng đất lại cho bà H được quyền sử dụng 1,5 công tầm 2,8m trên cơ sở nguồn gốc đất của mẹ nhưng ông M không thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm ông M thừa nhận có lập tờ chuyển nhượng đất cho bà H nhưng do không có tiền giao cho bà Hai, bà Hai đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất 1,5 công tầm 2,8m bằng 1.500 m² theo mức giá của Hội đồng định giá ngày 05/11/2019 là 80.000đ/m² đất ruộng thành tiền 120.000.000đ . Án sơ thẩm nhận định tờ chuyển nhượng đất ngày 27/02/2011âl là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xử vô hiệu là chưa phù hợp, Hội đồng xét xử thống nhất

sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông M trả giá trị 1.500 m² đất cho bà H bằng số tiền 120.000.000đ.

[9] Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H, bà Ph nhưng lại công nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) diện tích thực đo 4.318,6 m² đất lúa; thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa; thửa đất số 407 (thửa mới số 24 - 2 + 19 - 2 + 24 - 4) diện tích thực đo 1.937,4 m² đất thổ vườn (300 m² đất thổ, 1.637,4 m² đất vườn); thửa đất số 408 (thửa mới số 19 - 1 + 24 - 1) diện tích thực đo 1.846,9 m² đất lúa, cùng tờ bản đồ số 05 (tờ bản đồ mới số 16), địa chỉ ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Thái Văn M. Ông Thái Văn M có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong khi ông M không có đơn yêu cầu phản tố công nhận các thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông M là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần này.

[10] Các đương sự không kháng cáo phần bản án sơ thẩm ghi nhận ý kiến của bà Thái Thị H, ông Thái Thanh H, ông Thái Văn Nh, bà Thái Thị Ph, ông Thái Văn M, bà Thái Thị T không yêu cầu giải quyết phần đất vườn diện tích 444,3 m² bị Nhà nước thu hồi tại thửa đất số 1103; đồng ý để lại kỷ phần thừa kế theo pháp luật tại chiết thửa đất số 1103 (thửa mới số 24 - 6) tờ bản đồ số 05 (tờ bản đồ mới số 16) diện tích thực đo còn lại 85,7 m², địa chỉ ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L cho ông Thái Văn M nhận hưởng. Ông Thái Văn M có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động đất đai nhận kê khai thừa kế, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong khi ông M và các đương sự khác không có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất 1103 là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất sửa lại phần này.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị không chấp nhận kháng cáo bà H là không có căn cứ nên chỉ ghi nhận mà không chấp nhận. Xét đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Ph, ông H là có căn cứ nên chấp nhận .

[12] Về án phí phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên những người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Án phí sơ thẩm xác định lại:

Bà H không phải nộp án phí sơ thẩm, ông H, bà Ph mỗi người phải nộp án phí không giá ngạch số tiền 300.000 đồng. Do ông H là người cao tuổi đã được miễn án phí .

Ông M phải nộp án phí sơ thẩm là $120.000.000đ \times 5\% = 6.000.000đ$.

[13] Về chi phí tố tụng số tiền 10.504.800 đồng, bà H, bà Ph mỗi người đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 8.000.000đ và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mỗi người là 2.747.600đ.

Buộc bà Thái Thị Ph phải nộp số tiền 3.501.600 đồng (ba triệu năm trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền bà Ph đã nộp tạm ứng, bà Ph được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.750.800 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng) do ông H hoàn trả.

Buộc ông Thái Thanh H phải nộp số tiền 3.501.600 đồng (ba triệu năm trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng) trong đó hoàn trả cho bà Ph nhận 1.750.800 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng); hoàn trả cho bà Hai nhận 1.750.800 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng).

Ông Thái Văn M phải nộp số tiền 3.501.600 đồng (ba triệu năm trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng) để hoàn trả cho bà H nhận số tiền 3.501.600 đồng (ba triệu năm trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng).

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa; thửa đất số 407 (thửa mới số 24 - 2 + 19 - 2 + 24 - 4) diện tích thực đo 1.937,4 m² đất thổ vườn (300 m² đất thổ, 1.637,4 m² đất vườn); thửa đất số 408 (thửa mới số 19 - 1 + 24 - 1) diện tích thực đo 1.846,9 m² đất lúa bà Thái Thị H đã rút; Dành cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị Th với ông Thái Văn M, bà Lê Thị T vụ kiện dân sự khác. Nếu các đương sự có tranh chấp với nhau về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất: Phần đất tại thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) diện tích thực đo 4.318,6 m² đất lúa, giá nhận cổ 30 (ba mươi) chỉ vàng 24K theo Tờ cổ đất ngày viết tay ngày 06 tháng 11 năm 2017; phần đất thuộc thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa, giá nhận cổ 10 (mười) chỉ vàng 24K theo Tờ cổ đất ngày viết tay ngày 23 tháng 10 năm 2018. Dành cho ông Thái Văn M và bà Thái Thị Ph vụ kiện dân sự khác. Nếu các đương sự có tranh chấp với nhau về phần đất cho cất nhà ở nhờ thuộc thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thái Thị H.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Thanh H, bà Thái Thị Ph.

Sửa bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 166; 188 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 117, 166, 609, 611, 612, 614, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị H.

Công nhận giấy chuyển nhượng đất ngày 27 tháng 02 năm 2011 âm lịch (là ngày 31 tháng 3 năm 2011 dương lịch) giữa bà Thái Thị H và ông Thái Văn M.

Buộc ông Thái Văn M có nghĩa vụ trả bà Thái Thị H giá trị phần đất diện tích 1.500 m² thuộc tách thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) tọa lạc tại ấp Phú Y, xã Tân Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L bằng số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Thái Thanh H, bà Thái Thị Ph yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất cho mỗi người nhận hưởng phần đất diện tích 1.676,78 m², gồm có: diện tích 719,76 m² tại tách thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) đất lúa; diện tích 326,31 m² tại tách thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) đất lúa; diện tích 307,81 m² tại tách thửa đất số 408 (thửa mới số 19 - 1 + 24 - 1) đất lúa; diện tích 50 m² đất thổ và 272,9 m² đất vườn tại tách thửa đất số 407 (thửa mới số 24 - 2 + 19 - 2 + 24 - 4).

3. Về chi phí tố tụng:

- Buộc bà Thái Thị Ph phải nộp số tiền 3.501.600 đồng (ba triệu năm trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền bà Thái Thị Ph đã nộp tạm ứng, bà Thái Thị Ph được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.750.800 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng) do ông Thái Thanh H hoàn trả.

- Buộc ông Thái Thanh H phải nộp số tiền 3.501.600 đồng (ba triệu năm trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng) trong đó hoàn trả cho bà Thái Thị Ph nhận 1.750.800 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng); hoàn trả cho bà Thái Thị H nhận 1.750.800 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng).

Ông Thái Văn M phải nộp số tiền 3.501.600 đồng (ba triệu năm trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng) để hoàn trả cho bà Thái Thị H nhận số tiền 3.501.600 đồng (ba triệu năm trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng).

4. Về án phí :

- Bà Thái Thị H không phải nộp án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.
- Miễn án phí sơ thẩm cho ông Thái Thanh H do thuộc trường hợp người cao tuổi; ông Thái Thanh H không phải nộp án phí phúc thẩm.
- Bà Thái Thị Ph không phải nộp án phí phúc thẩm nhưng phải nộp án phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0010959 ngày 30 tháng 5 năm 2018 và số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010858 ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam B; Bà Thái Thị Ph được nhận lại số tiền chênh lệch là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).
- Ông Thái Văn M phải nộp án phí sơ thẩm là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa; thửa đất số 407 (thửa mới số 24 - 2 + 19 - 2 + 24 - 4) diện tích thực đo 1.937,4 m² đất thổ vườn (300 m² đất thổ, 1.637,4 m² đất vườn); thửa đất số 408 (thửa mới số 19 - 1 + 24 - 1) diện tích thực đo 1.846,9 m² đất lúa bà Thái Thị H đã rút; Dành cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị Th với ông Thái Văn M, bà Lê Thị T vụ kiện dân sự khác. Nếu các đương sự có tranh chấp với nhau về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất: Phần đất tại thửa đất số 403 (thửa mới số 24 - 3 + 19 - 3) diện tích thực đo 4.318,6 m² đất lúa, giá nhận cổ 30 (ba mươi) chỉ vàng 24K theo Tờ cổ đất ngày viết tay ngày 06 tháng 11 năm 2017; phần đất thuộc thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa, giá nhận cổ 10 (mười) chỉ vàng 24K theo Tờ cổ đất ngày viết tay ngày 23 tháng 10 năm 2018. Dành cho ông Thái Văn M và bà Thái Thị Ph vụ kiện dân sự khác. Nếu các đương sự có tranh chấp với nhau về phần đất cho cất nhà ở nhờ thuộc thửa đất số 406 (thửa mới số 24 - 5) diện tích thực đo 1.957,9 m² đất lúa không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ ;
- TAND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Dung